

Bản án số: 93/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 13 - 10 - 2021  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Trần Văn H.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Quốc H.

2. Ông Nguyễn Thành P.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** bà Phan Thị D - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/4/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 188/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, thị trấn N, huyện T, tỉnh A.

2. *Bị đơn:* anh Trần Văn P, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Đăng ký thường trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A.

Chỗ ở hiện tại: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh A.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 28/6/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày: chị X với anh P tiến đến hôn nhân vào tháng 4 năm 2020, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện T, tỉnh A và được Ủy ban nhân dân thị trấn N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44, ngày 28/4/2020. Sau khi cưới, vợ chồng đi làm thuê ở Bình D. Thời gian đầu vợ chồng chung sống

hạnh phúc, đến tháng 7 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh P hay ghen tuông, từ đó thường xuyên cãi vã nhau. Đến tháng 3 năm 2021, mâu thuẫn giữa chị X và anh P đã trầm trọng nên chị X về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Thời gian sống ly thân, chị X và anh P đều không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay mâu thuẫn vợ chồng gay gắt nên chị X yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: chị X yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn P .
- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có.

*Bị đơn anh Trần Văn P đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:*

- *Về thủ tục tố tụng:* qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị A đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn anh Trần Văn P được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do tại phiên tòa nên đã từ bỏ quyền của mình.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 8, Điều 9 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- + Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Trần Văn P.
- + Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.
- + Về án phí: chị Nguyễn Thị A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Văn P có đăng ký thường trú tại xã T, huyện T, tỉnh A, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập họp lệ anh Trần Văn P đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập anh P đều vắng mặt,

không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Phú.

[3] Xét, quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị A và Trần Văn P chung sống với nhau vào tháng 4 năm 2020, có đăng ký kết hôn nên được Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện T, tỉnh A cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 44, ngày 28/4/2020. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị X và anh P phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của chị X thấy rằng, chị X với anh P chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Đến tháng 3 năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau và sống ly thân cho đến nay.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo hòa giải; tạo điều kiện cho anh P và chị X hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, anh P không đến tham gia các phiên hòa giải và cũng không mong muốn chung sống với chị X. Xét thấy, chị X và anh P bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2021 cho đến nay. Suốt thời gian ly thân, cả hai người đều không liên lạc với nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị X và anh P mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị A.

[4] Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị A yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với phân tích và nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 8, 9, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A .

**1.1.** Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Trần Văn P .

Giấy chứng nhận kết hôn số 44, ngày 28/4/2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện T, tỉnh A không còn giá trị pháp lý.

**1.2.** Về quan hệ con chung và tài sản chung: không có.

**1.3.** Về nợ chung: ghi nhận chị X xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Nguyễn Thị A và anh Trần Văn P vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008347 ngày 23/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh A (chị X đã nộp xong).

**3.** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh A;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (để biết);
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ  
THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Trần Văn H**